

BỘ TÀI CHÍNH
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN, XÉT TUYỂN CÔNG
CHỨC VIÊN CHỨC TCHQ NĂM 2010

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CÔNG CHỨC HẢI QUAN NĂM 2010

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị ĐKDT
				Nam	Nữ		
CỤC HẢI QUAN TỈNH AN GIANG							
1	HQ0340	Lâm Anh	Duy	1983		An Giang	Cục Hải quan tỉnh An Giang
2	HQ0579	Đào Minh	Hiển	1973		An Giang	Cục Hải quan tỉnh An Giang
3	HQ2020	Huỳnh Chấn	Viên	1980		An Giang	Cục Hải quan tỉnh An Giang
4	HQ1829	Trịnh Trần Thủy	Trang		1976	An Giang	Cục Hải quan tỉnh An Giang
CỤC HẢI QUAN BÀ RỊA - VŨNG TÀU							
5	HQ0091	Nguyễn Văn	Bé	1977		Ninh Thuận	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu
6	HQ0089	Nguyễn Trọng	Bảo	1987		Nghệ An	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu
7	HQ2044	Lê Vương	Vũ	1986		Quảng Trị	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu
8	HQ1380	Nguyễn Viết	Quang	1982		Hải Phòng	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu
9	HQ1891	Trần Anh	Tú	1983		Ninh Bình	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu
10	HQ0101	Phạm Văn	Bình	1982		Nam Định	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu
11	HQ0988	Nguyễn Hải	Long	1984		Hà Nội	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị ĐKDT
				Nam	Nữ		
12	HQ0483	Đông Thị Thu	Hằng		1985	Hải Dương	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu
13	HQ0469	Phan Thành	Hải	1986		Tiền Giang	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu
14	HQ1892	Nguyễn Văn	Tuân	1983		Hà Nội	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu
15	HQ0678	Nguyễn Thị	Huế		1987	Hải Dương	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu
16	HQ0850	Đinh Thị	Khuyên		1976	Thanh Hóa	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu
17	HQ1257	Nguyễn Thị Kiều	Oanh		1987	Hậu Giang	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu
18	HQ0399	Trần Tuấn	Hà	1978		Hà Giang	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu
19	HQ0629	Phạm Thị Khánh	Hòa		1982	Quảng Ninh	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu
20	HQ0397	Phan Mạnh	Hà	1976		Hà Nội	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu
21	HQ0360	Lê Thị	Duyên		1983	Thanh Hóa	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu
22	HQ1444	Lỗ Văn	Sơn	1985		Vĩnh Phúc	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu
23	HQ0769	Lê Thị	Hương		1987	Thanh Hóa	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị ĐKDT
				Nam	Nữ		
24	HQ2096	Nguyễn Quang	Hiển	1987		Hải Phòng	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu
25	HQ0386	Nguyễn Hoài	Giang	1984		Thái Bình	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu
26	HQ0989	Đình Thế	Long	1985		Hải Phòng	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu
27	HQ0068	Nguyễn Thế	Anh	1987		Hải Dương	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu
28	HQ1726	Hoàng Thị Thu	Thủy		1985	Hải Phòng	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu
29	HQ0771	Hoàng Thị	Hương		1988	Thanh Hóa	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu
30	HQ1863	Đoàn Thế	Trường	1982		Hà Tĩnh	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu
31	HQ1565	Trần Thị Thanh	Thảo		1988	Tp. Hồ Chí Minh	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu
32	HQ1311	Phạm Đăng	Phương	1985		Tp. Hồ Chí Minh	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu
33	HQ1446	Trần Văn	Sơn	1987		Nghệ An	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu
34	HQ0605	Nguyễn Trung	Hiếu	1988		Thái Bình	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu
35	HQ0990	Vương Thành	Long	1984		Hải Dương	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị ĐKDT
				Nam	Nữ		
36	HQ0471	Nguyễn Thanh	Hải	1988		Bà Rịa - Vũng Tàu	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu
37	HQ1133	Thân Thị Thanh	Nga		1986	Hà Tĩnh	Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu

CỤC HẢI QUAN TỈNH BÌNH ĐỊNH

38	HQ0722	Trương Văn	Hùng	1976		Bình Định	Cục Hải quan tỉnh Bình Định
39	HQ1305	Phạm Phú	Phước	1983		Quảng Ngãi	Cục Hải quan tỉnh Bình Định
40	HQ1177	Huỳnh Phúc	Nguyên	1986		Bình Định	Cục Hải quan tỉnh Bình Định
41	HQ2071	Võ Thị Xuân	Ý		1969	Bình Định	Cục Hải quan tỉnh Bình Định
42	HQ0401	Võ Thị Thanh	Hà		1979	Bình Định	Cục Hải quan tỉnh Bình Định
43	HQ0772	Nguyễn Thị Thanh	Hương		1973	Bình Định	Cục Hải quan tỉnh Bình Định
44	HQ0986	Tô Thị Mỹ	Lợi		1985	Bình Định	Cục Hải quan tỉnh Bình Định
45	HQ2022	Trần Anh	Việt	1984		Bình Định	Cục Hải quan tỉnh Bình Định
46	HQ1746	Huỳnh Thị Ti	Ti		1987	Bình Định	Cục Hải quan tỉnh Bình Định
47	HQ0709	Lê Quang	Hung	1983		Phú Yên	Cục Hải quan tỉnh Bình Định

CỤC HẢI QUAN TỈNH BÌNH DƯƠNG

48	HQ1123	Nguyễn Thị Hoàng	Nga		1985	Bình Dương	Cục Hải quan tỉnh Bình Dương
49	HQ1338	Huỳnh Thanh	Phương	1987		Bình Dương	Cục Hải quan tỉnh Bình Dương

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị ĐKDT
				Nam	Nữ		
50	HQ0944	Ngô Tú	Linh		1983	Trung Quốc	Cục Hải quan tỉnh Bình Dương
51	HQ1337	Nguyễn Ngọc Minh	Phương		1987	Bình Dương	Cục Hải quan tỉnh Bình Dương
52	HQ1472	Nguyễn Thị Thanh	Sương		1983	Bình Dương	Cục Hải quan tỉnh Bình Dương
53	HQ0382	Dương Quốc	Giang	1987		Bình Dương	Cục Hải quan tỉnh Bình Dương
54	HQ0859	Tăng Chí	Kiệt	1977		Trung Quốc	Cục Hải quan tỉnh Bình Dương
55	HQ0945	Lê Tú	Linh		1987	Quảng Ngãi	Cục Hải quan tỉnh Bình Dương
56	HQ1971	Phan Thị Ánh	Tuyết		1984	Bình Dương	Cục Hải quan tỉnh Bình Dương
57	HQ1464	Phan Nhân	Sơn	1987		Hà Tĩnh	Cục Hải quan tỉnh Bình Dương
58	HQ0044	Phạm Duy	Anh	1988		Bình Dương	Cục Hải quan tỉnh Bình Dương
59	HQ1003	Lê Xuân	Long	1976		Lâm Đồng	Cục Hải quan tỉnh Bình Dương
60	HQ1339	Nguyễn Duy	Phương	1988		Bình Dương	Cục Hải quan tỉnh Bình Dương
61	HQ1483	Nguyễn Thảo	Tâm		1987	Bình Dương	Cục Hải quan tỉnh Bình Dương

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị ĐKDT
				Nam	Nữ		
62	HQ0236	Nguyễn Toàn	Định	1987		Bình Dương	Cục Hải quan tỉnh Bình Dương

CỤC HẢI QUAN TỈNH BÌNH PHƯỚC

63	HQ1384	Phạm Đức	Quang	1976		Hưng Yên	Cục Hải quan tỉnh Bình Phước
64	HQ0819	Lê Thị Phương	Huyền		1987	Hải Phòng	Cục Hải quan tỉnh Bình Phước
65	HQ1542	Nguyễn Như	Thành	1975		Thanh Hóa	Cục Hải quan tỉnh Bình Phước
66	HQ1624	Đào Văn	Thọ	1986		Hải Phòng	Cục Hải quan tỉnh Bình Phước
67	HQ1377	Nguyễn Văn	Quảng	1986		Quảng Bình	Cục Hải quan tỉnh Bình Phước
68	HQ1636	Trần Thị Hoài	Thu		1987	Thái Bình	Cục Hải quan tỉnh Bình Phước
69	HQ1518	Nguyễn Minh	Thắng	1986		Quảng Ngãi	Cục Hải quan tỉnh Bình Phước
70	HQ0206	Vũ Thị	Đào		1986	Hà Nam Ninh	Cục Hải quan tỉnh Bình Phước
71	HQ1635	Trần Thị Kim	Thu		1988	Nghệ An	Cục Hải quan tỉnh Bình Phước

CỤC HẢI QUAN TỈNH CÀ MAU

72	HQ0827	Phan Thanh Thuận	Khanh		1985	Bạc Liêu	Cục Hải quan tỉnh Cà Mau
73	HQ1029	Châu Ngọc	Ly		1985	Cà Mau	Cục Hải quan tỉnh Cà Mau

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị ĐKDT
				Nam	Nữ		
74	HQ0961	Lý Huyền	Linh		1982	Cà Mau	Cục Hải quan tỉnh Cà Mau
CỤC HẢI QUAN TỈNH CẦN THƠ							
75	HQ1623	Hà Thái	Thor	1988		Hậu Giang	Cục Hải quan tỉnh Cần Thơ
76	HQ2039	Phạm Thế	Vinh	1981		Vĩnh Phúc	Cục Hải quan tỉnh Cần Thơ
77	HQ1081	Ngô Văn	Mùi	1986		Hải Dương	Cục Hải quan tỉnh Cần Thơ
78	HQ1516	Nguyễn Thị	Thắm		1984	Thái Bình	Cục Hải quan tỉnh Cần Thơ
79	HQ1342	Nguyễn Thị Minh	Phương		1985	Vĩnh Long	Cục Hải quan tỉnh Cần Thơ
80	HQ2066	Lý Ngân	Xuân		1984	An Giang	Cục Hải quan tỉnh Cần Thơ
81	HQ2003	Phan Thị Cẩm	Vân		1985	Sóc Trăng	Cục Hải quan tỉnh Cần Thơ
CỤC HẢI QUAN TỈNH ĐẮK LẮK							
82	HQ1004	Dương Ngọc	Long	1988		Hà Tĩnh	Cục Hải quan tỉnh Đắk Lắk
83	HQ2087	Nguyễn Thị Phi	Yến		1988	Quảng Trị	Cục Hải quan tỉnh Đắk Lắk
84	HQ0898	Ngô Thị Phương	Lan		1983	Vĩnh Phúc	Cục Hải quan tỉnh Đắk Lắk
85	HQ0383	Nguyễn Trường	Giang	1987		Thanh Hóa	Cục Hải quan tỉnh Đắk Lắk
CỤC HẢI QUAN TP. ĐÀ NẴNG							
86	HQ1085	Đông Thị Trúc	My		1987	Quảng Nam	Cục Hải quan Tp. Đà Nẵng
CỤC HẢI QUAN TỈNH ĐỒNG NAI							
87	HQ1351	Nguyễn Thị Mỹ	Phượng		1984	Bình Định	Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai
88	HQ0798	Nguyễn Văn	Huyền	1977		Hải Dương	Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai
89	HQ1034	Phan Thị Mai	Ly		1986	Thừa Thiên Huế	Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị ĐKDT
				Nam	Nữ		
90	HQ2026	Bùi Hoàng	Việt	1981		Yên Bái	Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai
91	HQ0185	Trần Tuấn	Cường	1986		Đồng Nai	Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai
92	HQ0454	Trần Nguyễn Khánh	Hải		1987	Thanh Hoá	Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai
93	HQ0853	Vũ Trung	Kiên	1986		Bắc Ninh	Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai
94	HQ0087	Nguyễn Việt	Bảo	1987		Quảng Trị	Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai
95	HQ0267	Nguyễn Thùy	Dung		1986	Nam Định	Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai
96	HQ0080	Đào Văn	Bắc	1986		Thái Nguyên	Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai
97	HQ1224	Huỳnh Trọng Hương	Nhi		1983	Quảng Ngãi	Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai
98	HQ1604	Trần Quang	Thiện	1987		Long An	Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai
99	HQ0620	Mai Quỳnh	Hoa		1985	Thái Bình	Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai
100	HQ0848	Lê Nguyên	Khôi	1985		Thừa Thiên Huế	Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai
101	HQ1243	Nguyễn Thị Hồng	Nhung		1986	Đồng Nai	Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai
102	HQ1906	Trần Anh	Tuấn	1987		Nam Định	Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai
103	HQ0030	Nguyễn Thị Thái	Anh		1987	Nghệ An	Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai
104	HQ1957	Vũ Ngọc	Tuyến	1983		Thái Bình	Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai
105	HQ1327	Trần Mai Khánh	Phương	1985		Hà Nam	Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai
106	HQ1614	Đặng Đức	Thịnh	1988		Đồng Nai	Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai

CỤC HẢI QUAN TỈNH ĐỒNG THÁP

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị ĐKDT
				Nam	Nữ		
107	HQ0180	Nguyễn Đức	Cường	1983		Vĩnh Phúc	Cục Hải quan tỉnh Đồng Tháp
108	HQ1276	Triệu Quốc	Phong	1987		Đồng Tháp	Cục Hải quan tỉnh Đồng Tháp
109	HQ0969	Vũ Thùy	Loan		1985	Đồng Tháp	Cục Hải quan tỉnh Đồng Tháp
110	HQ1348	Trần Văn	Mười	1981		Đồng Tháp	Cục Hải quan tỉnh Đồng Tháp
111	HQ1387	Trần Phú	Quý	1988		Đồng Tháp	Cục Hải quan tỉnh Đồng Tháp
CỤC HẢI QUAN GIA LAI - KONTUM							
112	HQ0072	Trần Thị Vân	Anh		1988	Hải Dương	Cục Hải quan Gia Lai - Kontum
CỤC HẢI QUAN TỈNH HÀ TĨNH							
113	HQ1291	Võ Minh	Phú	1983		Hà Tĩnh	Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh
114	HQ0133	Nguyễn Khánh	Chi		1986	Hà Tĩnh	Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh
115	HQ1681	Hoàng Minh	Thương		1985	Hà Tĩnh	Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh
116	HQ0296	Đặng Hùng	Dũng	1984		Hà Tĩnh	Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh
117	HQ0106	Cao Thanh	Bình	1983		Hà Tĩnh	Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh
118	HQ0803	Đinh Thị Tú	Huyền		1985	Hà Tĩnh	Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh
119	HQ0034	Nguyễn Thị Vân	Anh		1987	Hà Tĩnh	Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh
120	HQ1502	Phạm Ngọc	Thạch	1987		Thái Bình	Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh
121	HQ1877	Bùi Minh	Tú	1984		Hà Tĩnh	Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh
122	HQ0802	Nguyễn Thị Thương	Huyền		1987	Hà Tĩnh	Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị ĐKDT
				Nam	Nữ		
123	HQ1352	Nguyễn Thị	Phượng		1986	Hà Tĩnh	Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh
124	HQ2037	Hoàng Trọng	Vinh	1984		Hà Tĩnh	Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh
125	HQ1423	Võ Xuân	Quỳnh	1983		Hà Tĩnh	Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh
126	HQ0140	Trương Xuân	Chiến	1982		Hà Tĩnh	Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh
127	HQ0352	Nguyễn Thị Hải	Duyên		1986	Hà Tĩnh	Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh
128	HQ1955	Đình Văn	Túy	1986		Hà Tĩnh	Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh
CỤC HẢI QUAN TP. HÀ NỘI							
129	HQ0095	Phạm Ngọc	Bích		1987	Hà Nội	Cục Hải quan Tp. Hà Nội
130	HQ2081	Nguyễn Thị	Yến		1985	Hà Nội	Cục Hải quan Tp. Hà Nội
131	HQ0653	Lê Quý	Hoàng	1984		Bắc Giang	Cục Hải quan Tp. Hà Nội
132	HQ1160	Bùi Thị	Ngọc		1987	Nam Định	Cục Hải quan Tp. Hà Nội
133	HQ0664	Đặng Ngọc	Hồng		1985	Hà Nội	Cục Hải quan Tp. Hà Nội
134	HQ0491	Lê Thu	Hằng		1986	Thanh Hoá	Cục Hải quan Tp. Hà Nội
135	HQ1421	Lỗ Thị Phương	Quỳnh		1987	Vĩnh Phúc	Cục Hải quan Tp. Hà Nội
136	HQ1438	Hoàng Văn	Sáng	1979		Thanh Hoá	Cục Hải quan Tp. Hà Nội
137	HQ1325	Hứa Thị Mai	Phương		1987	Hà Giang	Cục Hải quan Tp. Hà Nội
138	HQ0418	Lê Thị	Hà		1987	Thanh Hoá	Cục Hải quan Tp. Hà Nội
139	HQ1260	Bùi Thị Kim	Oanh		1986	Hải Dương	Cục Hải quan Tp. Hà Nội

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị ĐKDT
				Nam	Nữ		
140	HQ1044	Đinh Thị Sao	Mai		1986	Nghệ An	Cục Hải quan Tp. Hà Nội
CỤC HẢI QUAN TP. HẢI PHÒNG							
141	HQ1172	Lưu Thị	Ngọc		1985	Bắc Giang	Cục Hải quan Tp. Hải Phòng
142	HQ1486	Nguyễn Thị Bích	Tâm		1982	Hưng Yên	Cục Hải quan Tp. Hải Phòng
143	HQ1017	Hoàng Hiền	Lương		1988	Hải Phòng	Cục Hải quan Tp. Hải Phòng
144	HQ1073	Phạm Thị Nguyệt	Minh		1984	Thanh Hóa	Cục Hải quan Tp. Hải Phòng
145	HQ0112	Nguyễn Văn	Bình	1984		Ninh Bình	Cục Hải quan Tp. Hải Phòng
146	HQ1820	Đinh Thị Huyền	Trang		1986	Thanh Hóa	Cục Hải quan Tp. Hải Phòng
147	HQ0010	Hoàng Hải	An	1987		Nghệ An	Cục Hải quan Tp. Hải Phòng
148	HQ1653	Phạm Thị	Thu		1987	Hải Phòng	Cục Hải quan Tp. Hải Phòng
149	HQ0307	Phạm Tuấn	Dũng	1979		Hải Phòng	Cục Hải quan Tp. Hải Phòng
150	HQ1343	Vũ Thị	Phương		1980	Hưng Yên	Cục Hải quan Tp. Hải Phòng
151	HQ0895	Mai Hương	Lan		1987	Thanh Hóa	Cục Hải quan Tp. Hải Phòng
152	HQ0953	Nguyễn Thị Thùy	Linh		1987	Hải Phòng	Cục Hải quan Tp. Hải Phòng
153	HQ1596	Dương Hương	Thảo		1987	Ninh Bình	Cục Hải quan Tp. Hải Phòng
154	HQ0277	Đoàn Thị Phương	Dung		1986	Hải Phòng	Cục Hải quan Tp. Hải Phòng
CỤC HẢI QUAN TP. HỒ CHÍ MINH							
155	HQ0127	Nguyễn Hoàng	Châu	1985		Tp. Hồ Chí Minh	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị ĐKDT
				Nam	Nữ		
156	HQ0167	Võ Thành	Công	1983		Thừa Thiên Huế	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
157	HQ0019	Ngô Thế	Anh	1978		Bắc Giang	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
158	HQ0556	Phạm Ngọc	Hiền	1979		Thanh Hoá	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
159	HQ1639	Trần Thị Lệ	Thu		1984	Hà Tĩnh	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
160	HQ0648	Phạm Thị	Hoàn		1987	Hà Nội	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
161	HQ1323	Nguyễn Thị Thu	Phương		1983	Nam Định	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
162	HQ1879	Trần Thị Cẩm	Tú		1983	Tp. Hồ Chí Minh	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
163	HQ2024	Ngô Văn	Việt	1987		Thái Bình	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
164	HQ0557	Vũ Thị Thu	Hiền		1987	Hà Nội	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
165	HQ1615	Lưu Ngọc Hoàn	Thịnh		1986	Quảng Nam	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
166	HQ1851	Đỗ Khánh	Trung	1986		Hà Nội	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
167	HQ1747	Phạm Minh Thủy	Tiên		1983	Đồng Tháp	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị ĐKDT
				Nam	Nữ		
168	HQ1042	Ngô Thị Tuyết	Mai		1986	Phú Thọ	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
169	HQ1792	Vũ Thị Kiều	Trang		1984	Nam Định	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
170	HQ0411	Vũ Quang	Hà	1985		Thái Bình	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
171	HQ0160	Nguyễn Trọng	Chương	1978		Nghệ An	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
172	HQ1809	Lê Thị Linh	Trang		1974	Thừa Thiên Huế	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
173	HQ1964	Phan Thị Thanh	Tuyền		1986	Tp. Hồ Chí Minh	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
174	HQ1785	Trần Thị Huyền	Trang		1981	Tp. Hồ Chí Minh	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
175	HQ1067	Nguyễn Tuấn	Minh	1987		Thái Bình	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
176	HQ1385	Nguyễn Minh	Quang	1987		Nghệ An	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
177	HQ0476	Phạm Ngọc	Hải	1982		Tp. Hồ Chí Minh	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
178	HQ1853	Trần Duy	Trung	1984		Thái Bình	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
179	HQ0842	Nguyễn Trọng	Khoa	1985		Hải Dương	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị ĐKDT
				Nam	Nữ		
180	HQ0226	Nhữ Thị Bích	Diệp		1986	Hải Dương	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
181	HQ1364	Phạm Văn	Quân	1987		Hải Phòng	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
182	HQ0589	Trần Trung	Hiếu	1982		Nam Định	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
183	HQ1088	Lê Hà	My		1986	Hung Yên	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
184	HQ0931	Giang	Linh	1986		Ninh Bình	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
185	HQ0195	Lê Lưu	Đa	1982		Hà Nội	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
186	HQ0224	Phạm Thị Ngọc	Diệp		1981	Hà Nội	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
187	HQ0260	Nguyễn Thị	Dung		1987	Ninh Bình	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
188	HQ0349	Đỗ Thị Thanh	Duyên		1985	Tp. Hồ Chí Minh	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
189	HQ0020	Đào Thị Vân	Anh		1983	Nghệ An	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
190	HQ0598	Phạm Văn	Hiếu	1987		Thái Bình	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
191	HQ2094	Hoàng Kim	Yến		1988	Nam Định	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị ĐKDT
				Nam	Nữ		
192	HQ1597	Hồ Thị Minh	Thảo		1988	Tp. Hồ Chí Minh	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
193	HQ1443	Nguyễn Trọng	Sinh		1987	Hưng Yên	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
194	HQ0474	Lâm Tuấn	Hải		1981	Tp. Hồ Chí Minh	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
195	HQ0164	Dương Thành	Công		1978	Vĩnh Long	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
196	HQ0231	Đặng Ngọc	Diệu		1985	Hà Tĩnh	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
197	HQ1929	Trần Anh	Tuấn		1988	Nghệ An	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
198	HQ0998	Trịnh Quang	Long		1988	Bắc Giang	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh
199	HQ1744	Phạm Thị	Thuyên		1982	Quảng Ninh	Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh

CỤC HẢI QUAN TỈNH KHÁNH HÒA

200	HQ1833	Nguyễn Huyền	Trang		1987	Hải Dương	Cục Hải quan tỉnh Khánh Hòa
201	HQ1781	Ngô Thị Huyền	Trang		1987	Nghệ An	Cục Hải quan tỉnh Khánh Hòa
202	HQ0724	Nguyễn Quốc	Hung		1985	Khánh Hòa	Cục Hải quan tỉnh Khánh Hòa
203	HQ1987	Lâm Ngọc Như	Uyên		1985	Ninh Thuận	Cục Hải quan tỉnh Khánh Hòa
204	HQ1778	Phàn Quế	Trân		1985	Bình Thuận	Cục Hải quan tỉnh Khánh Hòa

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị ĐKDT
				Nam	Nữ		
205	HQ2032	Nguyễn Quang Hồng	Việt	1982		Bình Thuận	Cục Hải quan tỉnh Khánh Hòa
206	HQ1360	Nguyễn Hoài	Phương		1984	Hà Nội	Cục Hải quan tỉnh Khánh Hòa
207	HQ0967	Châu Thiên Ái Diệu	Linh		1985	Ninh Thuận	Cục Hải quan tỉnh Khánh Hòa
208	HQ1304	Trần Thị Kim	Phụng		1987	Nam Định	Cục Hải quan tỉnh Khánh Hòa
CỤC HẢI QUAN TỈNH LẠNG SƠN							
209	HQ1945	Hoàng	Tùng	1984		Bắc Giang	Cục Hải quan tỉnh Lạng Sơn
210	HQ1553	Vũ Đức	Thành	1984		Lạng Sơn	Cục Hải quan tỉnh Lạng Sơn
211	HQ0597	Nguyễn Chí	Hiếu	1982		Bắc Ninh	Cục Hải quan tỉnh Lạng Sơn
212	HQ0646	Chu Thu	Hoài		1987	Lạng Sơn	Cục Hải quan tỉnh Lạng Sơn
213	HQ1947	Ngô Huy	Tùng	1983		Bắc Ninh	Cục Hải quan tỉnh Lạng Sơn
214	HQ1466	Nguyễn Hoàng	Sơn	1984		Bắc Ninh	Cục Hải quan tỉnh Lạng Sơn
215	HQ0719	Đỗ Quang	Hưng	1987		Hưng Yên	Cục Hải quan tỉnh Lạng Sơn
216	HQ0201	Dương Hải	Đặng	1988		Lạng Sơn	Cục Hải quan tỉnh Lạng Sơn
CỤC HẢI QUAN TỈNH LÀO CAI							
217	HQ1701	Nguyễn Thị Quỳnh	Thúy		1986	Hà Nội	Cục Hải quan tỉnh Lào Cai
218	HQ0387	Đặng Trường	Giang	1985		Nam Định	Cục Hải quan tỉnh Lào Cai
219	HQ1382	Nguyễn Đức	Quang	1987		Phú Thọ	Cục Hải quan tỉnh Lào Cai
220	HQ0679	Trần Đăng	Huế	1988		Quảng Trị	Cục Hải quan tỉnh Lào Cai
221	HQ0143	Phạm Thị	Chinh		1978	Thái Bình	Cục Hải quan tỉnh Lào Cai

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị ĐKDT
				Nam	Nữ		
CỤC HẢI QUAN TỈNH LONG AN							
222	HQ1069	Ngô Văn	Minh	1981		Thái Bình	Cục Hải quan tỉnh Long An
223	HQ0174	Ngô Văn	Cương	1983		Hà Nam Ninh	Cục Hải quan tỉnh Long An
224	HQ1372	Dương Thanh	Quang	1979		Thái Bình	Cục Hải quan tỉnh Long An
225	HQ1392	Phan Văn	Quý	1983		Nghệ An	Cục Hải quan tỉnh Long An
226	HQ0742	Nguyễn Phi Thiên	Hương		1975	Tp. Hồ Chí Minh	Cục Hải quan tỉnh Long An
227	HQ0119	Vũ Song	Cảnh	1986		Thái Bình	Cục Hải quan tỉnh Long An
228	HQ2047	Lê Minh	Vui	1987		Tiền Giang	Cục Hải quan tỉnh Long An
229	HQ0007	Phan Thị Kiều	An		1987	Long An	Cục Hải quan tỉnh Long An
230	HQ1936	Võ Thanh	Tùng	1987		Long An	Cục Hải quan tỉnh Long An
CỤC HẢI QUAN TỈNH NGHỆ AN							
231	HQ0800	Nguyễn Thanh	Huyền		1986	Nghệ An	Cục Hải quan tỉnh Nghệ An
232	HQ1548	Văn Đình	Thành	1987		Nghệ An	Cục Hải quan tỉnh Nghệ An
233	HQ0937	Phạm Nguyễn Thùy	Linh		1981	Nam Định	Cục Hải quan tỉnh Nghệ An
234	HQ0371	Nguyễn Thị Hà	Giang		1982	Nghệ An	Cục Hải quan tỉnh Nghệ An
CỤC HẢI QUAN TỈNH QUẢNG BÌNH							
235	HQ1344	Phạm Việt	Phương	1981		Quảng Bình	Cục Hải quan tỉnh Quảng Bình
236	HQ0707	Lê Quốc	Hùng	1984		Quảng Bình	Cục Hải quan tỉnh Quảng Bình

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị ĐKDT
				Nam	Nữ		
237	HQ0311	Nguyễn Xuân	Dũng	1987		Quảng Bình	Cục Hải quan tỉnh Quảng Bình
238	HQ1475	Trần Văn	Sĩ	1986		Quảng Trị	Cục Hải quan tỉnh Quảng Bình
239	HQ0055	Đỗ Ngọc	Anh	1987		Quảng Bình	Cục Hải quan tỉnh Quảng Bình
240	HQ1005	Trần Hữu	Long	1987		Quảng Bình	Cục Hải quan tỉnh Quảng Bình
241	HQ1868	Nguyễn Mạnh	Trường	1985		Quảng Bình	Cục Hải quan tỉnh Quảng Bình

CỤC HẢI QUAN TỈNH QUẢNG NAM

242	HQ1481	Lê Thị	Tâm		1987	Quảng Nam	Cục Hải quan tỉnh Quảng Nam
243	HQ1876	Nguyễn Phan	Tú	1985		Quảng Nam	Cục Hải quan tỉnh Quảng Nam
244	HQ1498	Trương Thị	Tân		1988	Nghệ An	Cục Hải quan tỉnh Quảng Nam
245	HQ1480	Phan Thị	Tâm		1986	Quảng Nam	Cục Hải quan tỉnh Quảng Nam
246	HQ1296	Nguyễn Đăng Bảo	Phúc	1984		Quảng Nam	Cục Hải quan tỉnh Quảng Nam
247	HQ1274	Nguyễn Tấn	Phi	1982		Quảng Nam	Cục Hải quan tỉnh Quảng Nam
248	HQ0294	Nguyễn Tấn	Dũng	1985		Quảng Nam	Cục Hải quan tỉnh Quảng Nam
249	HQ1115	Huỳnh Thị Thanh	Nga		1988	Quảng Nam	Cục Hải quan tỉnh Quảng Nam

CỤC HẢI QUAN TỈNH QUẢNG NGÃI

250	HQ1046	Hoàng Thị Tuyết	Mai		1987	Quảng Bình	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi
-----	--------	-----------------	-----	--	------	------------	------------------------------

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị ĐKDT
				Nam	Nữ		
251	HQ0676	Đoàn Mậu	Huân	1981		Quảng Ngãi	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi
252	HQ1458	Trịnh Lương	Son	1986		Quảng Ngãi	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi
253	HQ1368	Đinh Hùng	Quang	1987		Hà Tĩnh	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi
254	HQ0926	Lê Thị	Liên		1984	Quảng Ngãi	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi
255	HQ0451	Bùi Thị Kim	Hải		1987	Quảng Ngãi	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi
256	HQ1628	Lê Thị Kim	Thoa		1987	Quảng Ngãi	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi
257	HQ1775	Đỗ Thị Ngọc	Trâm		1987	Quảng Ngãi	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi
258	HQ0632	Lê Thị Thu	Hòa		1985	Quảng Ngãi	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi
259	HQ0148	Đào Văn	Chính	1978		Thái Bình	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi
260	HQ0367	Đinh Thị Trà	Giang		1985	Quảng Ngãi	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi
261	HQ0822	Trần Văn	Khá	1986		Hưng Yên	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi
262	HQ0874	Nguyễn Tùng	Lâm	1987		Hòa Bình	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi
263	HQ0787	Trương Thị Thanh	Huyền		1987	Quảng Ngãi	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi
264	HQ0667	Huỳnh Thị Tô Ánh	Hồng		1979	Bình Định	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi
265	HQ0344	Trần	Duy	1985		Bình Định	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi
266	HQ1361	Võ Văn	Quán	1974		Quảng Ngãi	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi
267	HQ0529	Trương Thị Hồng	Hạnh		1989	Quảng Ngãi	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi
268	HQ0225	Trịnh Thị	Diệp		1988	Quảng Ngãi	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị ĐKDT
				Nam	Nữ		
269	HQ1213	Mai Thị Kim	Nhất		1987	Quảng Ngãi	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi
270	HQ1501	Nguyễn Văn Kim	Thạch	1988		Quảng Nam	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi
271	HQ0737	Nguyễn Thị Thanh	Thương		1988	Quảng Nam	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi
272	HQ1429	Trần Thị	Quýt		1988	Quảng Trị	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi
273	HQ1142	Nguyễn Thị Bích	Ngân		1987	Đắk Lắk	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi
274	HQ0860	Nguyễn Thị Oanh	Kiều		1988	Quảng Ngãi	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi
275	HQ0835	Nguyễn Hồng	Khánh	1987		Quảng Ngãi	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi
276	HQ1001	Nguyễn Vũ	Long	1988		Nghệ An	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi
277	HQ0921	Châu Thị Kim	Liên		1986	Quảng Ngãi	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi
278	HQ1983	Nguyễn Thị Kim	Uyên		1980	Quảng Ngãi	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi
CỤC HẢI QUAN TỈNH QUẢNG NINH							
279	HQ1817	Phạm Thị Quỳnh	Trang		1987	Quảng Ninh	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh
280	HQ0436	Hồ Thị	Hà		1978	Hải Dương	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh
281	HQ1340	Đào Duy	Phương		1987	Thái Bình	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh
282	HQ0048	Mạc Hải	Anh	1987		Hải Dương	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh
283	HQ2001	Lê Thị Thanh	Vân		1986	Hải Phòng	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh
284	HQ0692	Chu Thanh	Huệ		1986	Quảng Ninh	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh
285	HQ0845	Đặng Tích	Khoa	1985		Quảng Ninh	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị ĐKDT
				Nam	Nữ		
286	HQ1629	Nguyễn Mai	Thoan	1986		Thanh Hóa	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh
287	HQ0947	Vũ Đức	Linh	1987		Hưng Yên	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh
288	HQ0856	Đỗ Trung	Kiên	1987		Nam Định	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh
CỤC HẢI QUAN TỈNH QUẢNG TRỊ							
289	HQ0834	Lê Quốc	Khánh	1984		Quảng Trị	Cục Hải quan tỉnh Quảng Trị
290	HQ0002	Nguyễn Vĩnh	An	1986		Quảng Trị	Cục Hải quan tỉnh Quảng Trị
291	HQ0388	Nguyễn Văn	Tư	1984		Quảng Trị	Cục Hải quan tỉnh Quảng Trị
292	HQ1750	Phạm Xuân	Tiến	1988		Quảng Trị	Cục Hải quan tỉnh Quảng Trị
293	HQ1902	Nguyễn Danh Mạnh	Tuấn	1987		Quảng Trị	Cục Hải quan tỉnh Quảng Trị
294	HQ0630	Giang Thanh	Hòa	1989		Quảng Trị	Cục Hải quan tỉnh Quảng Trị
295	HQ1764	Cao Văn	Tinh	1988		Quảng Trị	Cục Hải quan tỉnh Quảng Trị
CỤC HẢI QUAN TỈNH TÂY NINH							
296	HQ0074	Lê Ngọc	Anh	1984		Tây Ninh	Cục Hải quan tỉnh Tây Ninh
297	HQ1745	Nguyễn Phi	Thuyền	1986		Tây Ninh	Cục Hải quan tỉnh Tây Ninh
298	HQ0336	Trương Văn	Dưỡng	1988		Thanh Hóa	Cục Hải quan tỉnh Tây Ninh
299	HQ2034	Trịnh Thanh	Vinh	1988		Tây Ninh	Cục Hải quan tỉnh Tây Ninh
300	HQ0342	Hồ Khắc	Duy	1988		Tây Ninh	Cục Hải quan tỉnh Tây Ninh
301	HQ1637	Hồ Thị Mộng	Thu		1988	Tây Ninh	Cục Hải quan tỉnh Tây Ninh
302	HQ1609	Trần Minh	Thiện	1987		Tây Ninh	Cục Hải quan tỉnh Tây Ninh

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị ĐKDT
				Nam	Nữ		
303	HQ1449	Lê Trường	Sơn	1988		Tây Ninh	Cục Hải quan tỉnh Tây Ninh
304	HQ2097	Trương Công	Bính	1987		Thừa Thiên Huế	Cục Hải quan tỉnh Tây Ninh
CỤC HẢI QUAN TỈNH THANH HÓA							
305	HQ0804	Trần Thị Bính	Huyền		1986	Thanh Hoá	Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa
306	HQ1913	Lê Anh	Tuấn	1987		Thanh Hoá	Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa
307	HQ0564	Lê Thị	Hiền		1983	Thanh Hoá	Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa
308	HQ0353	Trần Thị Hồng	Duyên		1984	Nam Định	Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa
309	HQ1973	Hoàng Văn	Tý	1985		Thanh Hoá	Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa
310	HQ0373	Trần Thị	Giang		1983	Nam Định	Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa
311	HQ1407	Trương Văn	Quyết	1986		Thanh Hoá	Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa
312	HQ0374	Phạm Hương	Giang		1984	Thanh Hoá	Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa
313	HQ1400	Nguyễn Thị	Quyên		1987	Thanh Hoá	Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa
CỤC HẢI QUAN THỪA THIÊN - HUẾ							
314	HQ1839	Phan Thúy	Trình		1979	Quảng Trị	Cục Hải quan Thừa Thiên Huế
315	HQ0601	Nguyễn Đức	Hiếu	1986		Thái Bình	Cục Hải quan Thừa Thiên Huế
316	HQ2099	Trần Thị Bích	Nguyên		1986	Quảng Trị	Cục Hải quan Thừa Thiên Huế
317	HQ0004	Phan Thị Thùy	An		1987	Thừa Thiên Huế	Cục Hải quan Thừa Thiên Huế
318	HQ0403	Trần Thị Bích	Hà		1985	Thừa Thiên Huế	Cục Hải quan Thừa Thiên Huế
319	HQ1569	Trần Thị Phương	Thảo		1986	Thừa Thiên Huế	Cục Hải quan Thừa Thiên Huế

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị ĐKDT
				Nam	Nữ		
320	HQ1903	Nguyễn Thành	Tuấn	1986		Thừa Thiên Huế	Cục Hải quan Thừa Thiên Huế
321	HQ0544	Nguyễn Văn	Hậu	1986		Thừa Thiên Huế	Cục Hải quan Thừa Thiên Huế
CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ HẢI QUAN							
322	HQ1889	Phí Cẩm	Tú		1987	Hà Nội	Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan.
323	HQ2088	Lê Hoài	Yên		1987	Thanh Hóa	Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan.
324	HQ0467	Trần Thị Minh	Hải		1987	Hung Yên	Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan.
325	HQ0765	Nguyễn Thị Mai	Hương		1983	Nghệ An	Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan.
326	HQ0548	Lê Thị Thu	Hiền		1986	Ninh Bình	Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan.
327	HQ1893	Nguyễn Anh	Tuấn	1986		Vĩnh Phúc	Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan.
328	HQ1284	Võ Minh	Phong	1980		Hà Tĩnh	Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan.

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị ĐKDT
				Nam	Nữ		
329	HQ1194	Phạm Thị	Nguyệt		1979	Hải Dương	Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan.
CỤC ĐIỀU TRA CHỐNG BUÔN LẬU							
330	HQ0432	Trần Lê	Hà		1985	Thanh Hóa	Cục Điều tra Chống buôn lậu
331	HQ0376	Nguyễn Thị Hoàng	Giang		1982	Hải Phòng	Cục Điều tra Chống buôn lậu
332	HQ0255	Nguyễn Trần	Đức	1978		Hà Tĩnh	Cục Điều tra Chống buôn lậu
333	HQ1333	Nguyễn Minh	Phương	1987		Hà Nội	Cục Điều tra Chống buôn lậu
334	HQ1120	Nguyễn Thị Ánh	Nga		1986	Thái Bình	Cục Điều tra Chống buôn lậu
335	HQ1049	Đinh Thị Thanh	Mai		1985	Ninh Bình	Cục Điều tra Chống buôn lậu
CỤC KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN							
336	HQ0145	Nguyễn Duy	Chinh	1983		Thái Bình	Cục Kiểm tra sau thông quan
337	HQ1321	Vũ Văn	Phương	1984		Hải Dương	Cục Kiểm tra sau thông quan
338	HQ0017	Nguyễn Ý	Anh	1986		Hà Nội	Cục Kiểm tra sau thông quan
339	HQ1453	Vũ Hồng	Sơn	1986		Bắc Giang	Cục Kiểm tra sau thông quan
THANH TRA TỔNG CỤC HẢI QUAN							
340	HQ1588	Lê Thị Phương	Thảo		1986	Ninh Bình	Thanh tra Tổng cục
341	HQ1379	Nguyễn Xuân	Quang	1987		Thanh Hóa	Thanh tra Tổng cục
342	HQ1561	Nguyễn Đình	Thành	1982		Nghệ An	Thanh tra Tổng cục
343	HQ1050	Trần Ngọc	Mai		1987	Nam Định	Thanh tra Tổng cục
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÔNG CHỨC HẢI QUAN							

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị ĐKDT
				Nam	Nữ		
344	HQ2089	Trần Khánh	Yên		1984	Nam Định	Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng công chức Hải quan
345	HQ0358	Đào Thị	Duyên		1984	Hà Nội	Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng công chức Hải quan
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH PHÂN LOẠI HÀNG HÓA XNK MIỀN BẮC							
346	HQ0960	Nguyễn Thùy	Linh		1987	Hà Nội	Trung tâm phân tích phân loại hàng hóa XNK miền bắc
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH PHÂN LOẠI HÀNG HÓA XNK MIỀN NAM							
347	HQ1959	Nguyễn Thị Bích	Tuyền		1987	Thừa Thiên Huế	Trung tâm phân tích phân loại hàng hóa XNK miền nam
348	HQ0684	Nguyễn Thị Bạch	Huệ		1983	Đồng Tháp	Trung tâm phân tích phân loại hàng hóa XNK miền nam
VĂN PHÒNG TỔNG CỤC HẢI QUAN							
349	HQ1827	Phạm Thu	Trang		1983	Thanh Hóa	Văn phòng Tổng cục
350	HQ1308	Đào Minh	Phương	1984		Bắc Giang	Văn phòng Tổng cục
VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI QUAN							
351	HQ1979	Vũ Thị Tú	Uyên		1986	Hải Phòng	Viện Nghiên cứu Hải quan
352	HQ0647	Lâm Thị	Hoàn		1981	Nam Định	Viện Nghiên cứu Hải quan
353	HQ2060	Nguyễn Thị	Xuân		1983	Thanh Hoá	Viện Nghiên cứu Hải quan
VỤ GIÁM SÁT QUẢN LÝ							

Stt	Số báo danh	Họ	Tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị ĐKDT
				Nam	Nữ		
354	HQ0685	Văn Thị	Huệ		1985	Thanh Hoá	Vụ Giám sát quản lý
355	HQ1477	Nguyễn Thị Minh	Tâm		1987	Hà Nội	Vụ Giám sát quản lý
356	HQ2006	Vũ Quang	Văn	1984		Thái Bình	Vụ Giám sát quản lý
VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ							
357	HQ0616	Phạm Thanh	Hoa		1987	Hà Tĩnh	Vụ Hợp tác quốc tế
358	HQ0996	Bùi Việt	Long	1978		Hà Nội	Vụ Hợp tác quốc tế
359	HQ0916	Nguyễn Phương	Liên		1987	Hung Yên	Vụ Hợp tác quốc tế
360	HQ1366	Tạ Nhật	Quang	1983		Hà Nội	Vụ Hợp tác quốc tế
VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH							
361	HQ1395	Nguyễn Thị Hồng	Quyên		1983	Hà Nội	Vụ Kế hoạch - Tài chính
VỤ KIỂM TRA THU THUẾ XNK							
362	HQ0409	Phùng Thị Thu	Hà		1987	Vĩnh Phúc	Vụ Kiểm tra thu thuế XNK
363	HQ1106	Nguyễn Thị	Nga		1985	Bắc Ninh	Vụ Kiểm tra thu thuế XNK